

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 26-12-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Mạnh Toàn**
2. Ông **Nguyễn Văn Diệu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Huệ** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/ 2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2017/QĐST- HNGĐ ngày 15/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1981

Đăng ký HKTT: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện ở địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Đình T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh T không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là **Vũ Thị T** trình bày:

Chị kết hôn với anh Lưu Đình T do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q vào ngày 06/10/2012. Trước khi kết hôn, chị và anh T đều đã từng giải quyết ly hôn một lần. Sau khi kết hôn với anh T, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, anh T đi làm nhưng không đưa tiền cho chị trang trải cuộc sống, anh T không có trách nhiệm với vợ con. Ngày 06/8/2017 anh T đã túm cổ áo đuổi chị đi nên chị đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã Q và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn anh T.

Chị và anh T có một con chung là Lưu Thành Đ, sinh ngày 29/01/2015, hiện nay con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngoài ra, chị và anh T đều có 01 con riêng nhưng chị không có yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng con riêng.

Đối với bị đơn là anh Lưu Đình T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Kết quả xác minh được gia đình anh T và chính quyền địa phương cung cấp:

Anh T và chị T kết hôn với nhau vào năm 2012 và cả hai đều đã từng ly hôn một lần. Quá trình chung sống giữa anh T chị T hoà thuận cho đến năm 2015 thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T đi làm không mang tiền về phụ giúp gia đình. Người chồng đã ly hôn của chị T thường xuyên đến nhà bố mẹ đẻ chị T và ở lại đó nên đã xảy ra ghen tuông giữa anh T, chị T. Tháng 8/2017 chị T đã đưa con và chuyển đồ đạc về nhà bố mẹ đẻ chị T sinh sống cho đến nay.

Anh T và chị T có 01 con chung là Lưu Thành Đ, sinh ngày 29/01/2015. Cả hai đều có 01 con riêng, con riêng anh T là Lưu Đình C, sinh ngày 11/7/2000 hiện đang sinh sống cùng anh T, còn cháu Đức và con riêng của chị T đang ở với chị T. Hiện nay anh T đang học và làm nấu ăn tại Hà Nội nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, khoảng một tháng anh T về gia đình một lần. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Toà án, gia đình đã giao trực tiếp các văn bản đó cho anh T, thông qua gia đình, anh T có ý kiến: Chị T muốn ly hôn thì cứ giải quyết một mình chứ anh T không ly hôn và không lên Toà án giải quyết. Anh T cũng nhất trí để chị T nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của chị T nếu vợ chồng ly hôn. Anh T không yêu cầu giải quyết về con riêng của anh T. Về tài sản giữa anh T chị T không có tài sản gì chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do vậy*

Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị T được ly hôn anh T; về quan hệ con chung xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Thành Đ. Buộc anh T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; về tài sản không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn là anh Lưu Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Lưu Đình T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đều đã từng giải quyết ly hôn một lần trước khi kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống lại không thông cảm, chia sẻ và không quan tâm đến nhau. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế khó khăn, anh T không có trách nhiệm với gia đình. Về phía anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T không muốn ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án giải quyết, thể hiện việc thiếu ý thức chấp hành pháp luật cũng như trách nhiệm với gia đình của anh T chưa thực sự thiện ý để vợ chồng đoàn tụ. Chị T và anh T hiện đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của chị T, thấy: Hiện nay con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang ở ổn định cùng chị T. Anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T. Cần giao con chung cho T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh T phải có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Lưu Đình T

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lưu Thành Đ, sinh ngày 29/01/2015. Buộc anh Lưu Đình T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng là **700.000 đồng** (*Bảy trăm nghìn đồng*). Thời gian góp cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 12/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh T được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lưu Đình T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003454 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- UBND xã Q. H.Q,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng